

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 320/2019/HS- PT

Ngày: 31- 12- 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương;

Ông Quách Văn Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án Hình sự thụ lý số 254/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019;

Do có kháng cáo đối với bản số 48/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2019/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn Th, sinh năm 1993; HKTT: Thôn TT, xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân N và bà Phạm Thị M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 chuyển tạm giam, ngày 18/01/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. Đoàn Đình C, sinh năm:1987; HKTT: Thôn TĐ2, xã QĐ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đình L và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Mai Thị H và 02 con sinh năm 2006 và 2017; tiền án: 01. Ngày 22/02/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về "Tội cố ý gây thương tích" ra trại ngày 01/9/2016; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 21/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" ra trại ngày 04/11/2009 (giá trị tài sản trộm cắp là 1.630.000đ); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2019 đến ngày 24/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Ngọc Đ, sinh năm:1990; HKTT: Thôn DD, xã QP (Nay là Thôn DD 1, thị trấn TP), huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu D và bà Mai Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D1 và

02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/9/2018 bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại xã QT và đến ngày 16/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

4. Đinh Hồng A, sinh năm:1986; HKTT: Thôn DD, xã QP (Nay là Thôn DD 1, thị trấn TP), huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị L; bị cáo có vợ là Đàm Thị T và 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh tháng 12/2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2019 đến ngày 21/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; HKTT: Thôn Thượng Đình 1, xã QĐ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức P (đã chết) và bà Hoàng Thị D (đã chết); bị cáo có chồng là Đoàn Văn C (đã chết) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996 con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. Vũ Văn S, sinh năm:1995; HKTT: Thôn PĐ, xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn X và bà Phạm Thị H1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T1 và 01 con sinh ngày 18/4/2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 chuyển tạm giam, ngày 18/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

3. Đầu Khắc B, sinh năm 1996; HKTT: Thôn Tr, xã QTh, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đầu Khắc Y và bà Hoàng Thị T2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Ngô Tiến E, sinh năm1980; HKTT: Thôn DD, xã QP, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quốc T3 (đã chết) và bà Bùi Thị Hồng Ph; bị cáo có vợ là Ngô Thị Đ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Y phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", đã thi hành xong hình phạt chính và hình phạt bổ sung, án phí năm 2014 (số tiền đánh bạc là 4.850.000^d); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

5. Vũ Ngọc F, sinh năm 1980; HKTT: Thôn QT1, xã QT2, thành phố Thanh

Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Vũ Trọng HA (đã chết) và bà Lê Thị H1; bị cáo có vợ là Trần Thị T4 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 chuyển tạm giam, ngày 18/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

6. Lê Văn AB, sinh năm 1991; HKTT: Thôn TT, xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ph1 và bà Trần Thị HH; bị cáo có vợ là Lê Thị Th2 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 9/2009 đi bộ đội sư đoàn 324 Trung đoàn 3, đóng quân tại Triệu Sơn, Thanh Hóa, tháng 12/2011 ra quân. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

7. Nguyễn Huy AC, sinh ngày 27/7/2001; HKTT: Thôn QT1, xã QT2, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy Q và bà Hoàng Thị Th3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ nên Lê Văn Th và Vũ Văn S bàn bạc và thống nhất với nhau về việc chuẩn bị địa điểm, tiền cho vay và gọi các đối tượng tham gia đánh bạc. S cầm cố chiếc xe mô tô của mình và đưa tiền cho Th để cho các đối tượng vay đánh bạc.

Ngày 23/12/2018, Th sử dụng số điện thoại 082.567.1993 gọi cho Vũ Ngọc F, Phạm Ngọc Đ, Ngô Tiến E và Lê Văn AB; Vũ Văn S gọi điện cho Đinh Hồng A rủ các đối tượng này đánh bạc. Khi các đối tượng đồng ý tham gia đánh bạc, Th gọi điện thoại nói về việc tổ chức đánh bạc và nhờ Cao mượn nhà của Nguyễn Thị L để thực đánh bạc. Cao đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị L hỏi mượn nhà, nói "Thím cho bọn nó ngồi một tiếng, hai tiếng rồi bọn nó cho mấy đồng", L đồng ý. Sau khi mượn được địa điểm, Cao gọi điện thoại thông báo cho Th "cứ đến đi. Các đối tượng được Th và S gọi đến tập trung tại quán cà phê cạnh Ủy ban ND xã X. Lúc này có Nguyễn Huy AC đến, Th nhờ T chở các đối tượng vào nhà L, sau đó canh gác sới bạc, khi kết thúc đánh bạc thì Th và S sẽ trả cho Tuấn 300.000^d, T đồng ý. T mượn xe máy của người quen lần lượt chở các đối tượng đến nhà Nguyễn Thị L. Th là người trải chiếu, chuẩn bị bài, hộp đựng tiền hồ và cùng Sỹ thống nhất về hình thức đánh bạc chơi ba cây cầm chương, nếu ai được điểm cao nhất (10 điểm) thì phải nộp cho Th và S 200.000^d tiền hồ, số tiền này được Th và S bỏ vào hộp để bên cạnh chiếu bạc. Cụ thể là dùng bộ bài tú lơ khơ lấy các con bài từ A đến 9 (36 cây), người cầm cái sẽ chia cho mỗi người 3 cây bài để tính điểm, 01 điểm là thấp nhất, 10 điểm là cao nhất. Những người tham gia chơi đặt tiền cược, sau đó so điểm với người cầm chương. Nếu điểm của người chơi nào cao hơn

người cầm chương được số tiền bằng số tiền mình đã đặt cược, nếu điểm của người chơi nào thấp hơn người cầm chương thì mất số tiền đã đặt cược. Nếu người chơi và người cầm chương bằng điểm nhau thì xét chất rô, cơ, tép, bích. Trong quá trình chơi, ai được 10 điểm thì được cầm chương ván bài tiếp theo.

Sau khi tập trung tại nhà Nguyễn Thị L, Th đánh bạc cùng Đinh Hồng A, Ngô Tiến E, Phạm Ngọc Đ, Vũ Ngọc F, Lê Văn AB. Chơi được mấy ván thì Th nhường chỗ của mình cho B chơi. Th cùng với Sỹ cho các đối tượng đánh bạc vay tiền và thu tiền hồ. Cụ thể Th và S đã cho Đ vay 10.000.000 đồng, Đ thắng bạc nên đã trả hết tiền vay. Th và S tiếp cho A, Tiến E, H mỗi người vay 5.000.000 đồng. Khi cho các đối tượng vay tiền, S người ghi số tiền nợ vào điện thoại.

Trong khi các đối tượng đánh bạc, Nguyễn Huy AC ngồi ở cửa nhà L để canh gác.

Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ dưới chiếu 36 cây bài tú lơ khơ và 12.900.000 đồng, 01 vỏ hộp bánh có 6.000.000 đồng tiền hồ.

Khi phát hiện công an, Nguyễn Huy AC đã chạy vào sới bạc hô to “công an, chạy đi”, Phạm Ngọc Đ, Lê Văn AB, Nguyễn Văn TN, Đinh Hồng A, Đoàn Đình C và T bỏ chạy trốn. Trong đó Nguyễn Văn TN, Đinh Hồng A, Nguyễn Huy AC và Đoàn Đình C đã bị Công an tỉnh Thanh Hóa ra lệnh truy nã. Đến ngày 27/12/2018, 30/12/2018, 18/01/2019, 21/01/2019, 18/3/2019 Phạm Ngọc Đ, Lê Văn AB, Đinh Hồng A, Đoàn Đình C và Nguyễn Huy AC đến cơ quan Điều tra đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với Nguyễn Văn TN, do hết thời hạn điều tra vẫn chưa bắt được bị can nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Tình, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Trước khi đánh bạc, Đầu Khắc B có 500.000 đồng, khi bị bắt đang thắng được khoảng 2.000.000 đồng; Lê Văn AB có 600.000 đồng bỏ hết ra đánh bạc, sau đó vay của Th và Sỹ 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, khi bỏ chạy vứt tiền lại chiếu bạc; Đinh Hồng A vay Th và Sỹ 5.000.000 đồng, khi bỏ chạy để lại chiếu khoảng 3.000.000 đồng; Ngô Tiến E vay của Th và Sỹ 5.000.000 đồng để đánh bạc, khi bỏ chạy để lại chiếu bạc khoảng 800.000 đồng; Vũ Ngọc F bỏ ra 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt bỏ lại số tiền tại chiếu bạc, không biết thắng thua thế nào; Phạm Ngọc Đ vay của Th và Sỹ hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc khi thắng đã trả hết 10.000.000 đồng cho Th và S, khi bỏ chạy để lại khoảng mấy trăm nghìn ở chiếu.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 9 chiếc điện thoại của các bị can, trong đó có 8 chiếc các bị can sử dụng để liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội, 01 chiếc điện thoại sam sung J4 màu xanh đen của Vũ Ngọc F không sử dụng vào việc phạm tội.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử: Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Th, Vũ Văn S, Đoàn Đình C, Nguyễn Huy AC phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Nguyễn Thị L phạm tội “Gá bạc”; Vũ

Ngọc F, Đầu Khắc B, Phạm Ngọc Đ, Ngô Tiến E, Lê Văn AB, Đinh Hồng A, Lê Văn Th phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn Th 15 (mười lăm) tháng tù.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn Th 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ: Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) tháng, được trừ đi 27 ngày tạm giữ tạm giam, còn lại 20 tháng 03 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ: Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù của bản án số 38/2019/HSST ngày 06/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, buộc bị cáo Phạm Ngọc Đ phải chấp thành hình phạt chung của hai bản án là 15 (mười lăm) tháng, được trừ đi 09 ngày tạm giữ của bản án số 38/2019/HSST, còn lại 14 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2018.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Hồng A 08 (tám) tháng tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, còn lại 07 tháng 27 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Đình C 12 (mười hai) tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, còn lại 11 tháng 27 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn S 14 (mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy AC 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Tiến E 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Ngọc F 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo 10.000.000^d.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đầu Khắc B 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn AB 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09- 10- 2019, bị cáo Lê Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn bố bị chất độc da cam, bố mẹ già yếu, bị cáo bị dị tật bẩm sinh là lao động chính.

Ngày 17- 12- 2019, Lê Văn Th có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Ngày 09- 10- 10- 2019, bị cáo Phạm Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do Tòa án sơ thẩm xử phạt cao, hoàn cảnh gia đình khó khăn có hai con nhỏ, bị cáo là lao động chính.

Ngày 11- 12- 2019, Phạm Ngọc Đ có đơn xin rút kháng cáo

Ngày 08- 10- 2019, bị cáo Đoàn Đình C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì xét thấy Tòa án sơ thẩm xử phạt quá nặng. Cùng với đơn kháng cáo, bị cáo nộp theo bản xác nhận của cơ quan điều tra việc Đoàn Đình C giúp phát hiện tội phạm.

Ngày 08- 10- 2019, bị cáo Đình Hồng A kháng cáo xin được hưởng án treo vì xét thấy Tòa án sơ thẩm xử phạt cao và không chính xác, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi hai con nhỏ.

Cùng với kháng cáo, Đình Hồng A có đơn khiếu nại cho rằng Cơ quan điều tra quyết định truy nã đối với bị cáo là không đúng, khi bị truy nã bị cáo không trốn, hàng ngày vẫn đi làm ở Công ty, đến tối về nhà. Đồng thời bị cáo nộp theo bản xác nhận của cơ quan điều tra việc Đình Hồng A giúp phát hiện tội phạm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Đình C không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo. Đình Hồng A bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với qui định, đề nghị áp dụng Điều 342 BLTTHS, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ.

Đối với Đoàn Đình C chỉ là người giúp sức trong đồng phạm, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ở giai đoạn xét xử phúc có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm lần thứ hai. Vì vậy, kháng cáo của Đoàn Đình C là có cơ sở được chấp nhận. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS; Điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho Đoàn Đình C từ 3 tháng đến 4 tháng tù.

Đối với Đinh Hồng A khiếu nại bị truy nã không đúng nhưng không có cơ sở chấp nhận, vì ở giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm bị cáo không có khiếu nại về việc bị truy nã. Kháng cáo bổ sung của Đinh Hồng A tại phiên tòa là có lợi cho bị cáo nên được chấp nhận. Do bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, phải ra lệnh truy nã nên không chấp nhận yêu cầu xin được hưởng án treo. Tuy vậy, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm Đinh Hồng A có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS; Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho Đinh Hồng A từ 2 tháng đến 3 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Th, Đoàn Đình C, Phạm Ngọc Đ và Đinh Hồng A gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của Tòa án sơ thẩm: Lê Văn Th, Vũ Văn S, Đoàn Đình C và Nguyễn Huy AC đã thống nhất và có hành vi chuẩn bị địa điểm, gọi cho các đối tượng đến tham gia đánh bạc, cho vay tiền và canh gác việc đánh bạc. Riêng Lê Văn Th còn tham gia đánh bạc. Nguyễn Thị L cho các đối tượng mượn địa điểm đánh bạc để được trả tiền. Vũ Ngọc F, Đâu Khắc B, Phạm Ngọc Đ, Ngô Tiến E, Lê Văn AB, Đinh Hồng A cùng nhau chơi bài để lấy tiền thắng thua của nhau, số tiền chơi bài bị thu giữ là 18.900.000 đồng. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng Luật, xác định tội danh, quyết định về hình phạt là đúng qui định, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

- Đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ: Việc các bị cáo rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với qui định, đề nghị áp dụng Điều 342, Điều 348 BLTTHS, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Đoàn Đình C: Bị cáo Cao bị Tòa án sơ thẩm xử phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng tái phạm, có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, đầu thú, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, có bố được tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhất. Mức hình phạt Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo Cao là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tuy vậy, xem xét vai trò bị cáo Cao chỉ là người giúp sức trong đồng phạm, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm lần thứ hai, xem xét chung bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, kháng cáo của Đoàn Đình C là có cơ sở được chấp nhận, nên áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Đinh Hồng A: Tại phiên tòa phúc thẩm, Đinh Hồng A bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có lợi cho bị cáo nên được chấp nhận. Bị cáo Ánh bị Tòa án cấp sơ thẩm phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, đầu thú. Tuy vậy, theo tài liệu có trong hồ sơ phản ánh sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, phải ra lệnh truy nã, theo qui định thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Đến giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo Ánh mới có khiếu nại, nhưng không có căn cứ kết luận Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã không đúng. Khi cán bộ điều tra đến nhà giao giấy triệu tập, chính vợ bị cáo là Đàm Thị Tâm đã khai Đinh Hồng Ánh đi khỏi nhà từ ngày 23/12/2018, không liên lạc được. Sau đó bị cáo Ánh đã đến cơ quan điều tra làm thủ tục đầu thú. Qua xem xét thấy rằng Tòa án sơ thẩm xử phạt tù và buộc bị cáo Ánh phải cách ly xã hội là đúng qui định, tương xứng với hành vi phạm tội và thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo cũng như để đảm bảo đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy vậy, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm Đinh Hồng A có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin được hưởng án treo, nhưng có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Hồng A.

[4]. Các nội dung quyết định của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các nội dung quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 342, Điều 344, Điều 345, Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ.

Chấp nhận kháng cáo của Đoàn Đình C, chấp nhận một phần kháng cáo của Đinh Hồng A, sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y về hình phạt đối với Đoàn Đình C và Đinh Hồng A.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Đình C 8 (Tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ tạm giữ từ ngày 21/01/2019 đến ngày 24/01/2019

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Hồng A 06 (Sáu) tháng tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2019 đến ngày 21/01/2019.

Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đoàn Đình C và Đinh Hồng A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Quốc Văn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Tại: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các thẩm phán:

Bà Hoàng Lan Phương;

Ông Quách Văn Thành.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 254/2019/TLPT- HS ngày 31/10/2019, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn Th, sinh năm 1993; HKTT: Thôn TT, xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Nụ và bà Phạm Thị Mơ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 01/01/2019 chuyển tạm giam, ngày 18/01/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. Đoàn Đình C, sinh năm:1987; HKTT: Thôn TĐ2, xã QĐ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đình Lễ và bà Trần Thị Tiến; bị cáo có vợ là Mai Thị Hà và 02 con sinh năm 2006 và 2017; tiền án: 01. Ngày 22/02/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về "Tội cố ý gây thương tích" ra trại ngày 01/9/2016; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 21/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" ra trại ngày 04/11/2009 (giá trị tài sản trộm cắp là 1.630.000^d); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/01/2019 đến ngày 24/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Ngọc Đ, sinh năm:1990; HKTT: Thôn DD, xã QP, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu Duyên và bà Mai Thị Chinh; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Duyên và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/9/2018 bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại xã QT và đến ngày 16/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

4. Đinh Hồng A, sinh năm:1986; HKTT: Thôn DD, xã QP, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Hách (đã chết) và bà Bùi Thị Láng; bị cáo có vợ là Đàm Thị Tâm và 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh tháng 12/2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2019 đến ngày 21/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về áp dụng luật: Căn cứ Điều 342, Điều 344, Điều 345, Điều 348, điểm b

khoản 1 Điều 355 BLTTHS;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự (Đối với Đoàn Đình C);

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự (Đối với Đình Hồng A).

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Về xem xét kháng cáo: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Th và Phạm Ngọc Đ.

Chấp nhận kháng cáo của Đoàn Đình C, chấp nhận một phần kháng cáo của Đình Hồng A, sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y về hình phạt đối với Đoàn Đình C và Đình Hồng A.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đình C 8 (Tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ tạm giữ từ ngày 21/01/2019 đến ngày 24/01/2019

Xử phạt bị cáo Đình Hồng A 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2019 đến ngày 21/01/2019.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Về án phí: Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đoàn Đình C và Đình Hồng A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Phương Quách Văn Thành.

Trương Quốc Văn

